

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----\*-----  
Bản án số: **196/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 19/5/2022  
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.*

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông Mai Văn Cười.**

**2. Ông Nguyễn Tấn Đạt.**

**- Thư ký phiên tòa: Ông La Tương Lai** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện Đ, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh G.

**- Bị đơn: Nguyễn Thành N**, sinh năm 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện Đ, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ H trình bày:* Chị và anh N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 4/2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, anh N không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

**- Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Th, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện nay, hai con đang sống với chị. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu anh

N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng, đến khi hai con đủ 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Bị đơn anh Nguyễn Thành N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

\* Tại phiên tòa:

- Chị H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N. Về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, chị H được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao chị H tiếp tục nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Th, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày xx/xx/xxxx. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ đối với yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Bình Ân cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 30/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được ly hôn với anh N do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, anh N không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Hiện nay, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh N. Hơn nữa, từ khi chị H xin ly hôn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không đến Tòa để trình bày ý kiến, chứng tỏ anh N muốn bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình, không còn thiết tha hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 23/8/2014 và Nguyễn Minh Phúc, sinh ngày 20/5/2019. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng chị H ly thân đến nay, cháu Thư và cháu Phúc sống với chị H đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, đảm bảo cho sự phát triển của hai cháu; đồng thời theo nguyện vọng của cháu Thư muốn sống với chị H (BL 29), cháu Phúc dưới 36 tháng tuổi. Do đó, yêu cầu của chị H là có cơ sở, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Th và cháu Ph cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị H rút lại yêu cầu về việc yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\*Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lệ H.

+ Chị Nguyễn Thị Lệ H được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ đối với yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Th, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Minh Ph, sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007549 ngày

21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng anh N thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**\*Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thúy An**